

KHÁI LUẬN VỀ VĂN HÓA

GS.VS.TSKH. Trần Ngọc Thêm
(Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh)

In trong sách: *Phác thảo chân dung văn hóa Việt Nam*. - HN., NXB
Chính trị Quốc gia, 2000.

Ngay từ thuở lọt lòng, chúng ta đã đắm mình trong chất men văn hóa: từ lời ru của mẹ, bài học của cha, trò chơi của chị... cho đến tiếng gọi đò bên sông, tiếng võng đưa kéo kệt lúc trưa hè, tiếng chuông buồng khi chiều xuống... - tất cả, tất cả những sự kiện đó, những ấn tượng đó, những âm thanh đó, những hình ảnh đó... đều thuộc về văn hóa. Cái tinh thần như tư tưởng, ngôn ngữ... là văn hóa; cái vật chất như ăn, ở, mặc... cũng là văn hóa. Chính văn hóa đã nuôi chúng ta lớn, dạy chúng ta khôn. Người ta nói: văn hóa ẩm thực, văn hóa trang phục, văn hóa ứng xử, văn hóa tiêu dùng, văn hóa kinh doanh, văn hóa chính trị, văn hóa Đông Sơn, văn hóa Hòa Bình, văn hóa rìu vai... Từ "văn hóa" có biết bao nhiêu là nghĩa, nó được dùng để chỉ những khái niệm có nội hàm hết sức khác nhau.

Tuy được dùng theo nhiều nghĩa khác nhau, nhưng suy cho cùng, khái niệm **văn hóa** bao giờ cũng có thể quy về hai cách hiểu chính: theo nghĩa hẹp và theo nghĩa rộng.

Theo nghĩa hẹp, văn hóa được giới hạn theo chiều sâu hoặc theo chiều rộng, theo không gian hoặc theo thời gian... Giới hạn theo chiều sâu, văn hóa được hiểu là những giá trị tinh hoa của nó (nếp sống văn hóa, văn hóa nghệ thuật...). Giới hạn theo chiều rộng, văn hóa được dùng để chỉ những giá trị trong từng lĩnh vực (văn hóa giao tiếp, văn hóa kinh doanh...). Giới hạn theo không gian, văn hóa được dùng để chỉ những giá trị đặc thù của từng vùng (văn hóa Tây Nguyên, văn hóa Nam Bộ...). Giới hạn theo thời gian, văn hóa được dùng để chỉ những giá trị trong từng giai đoạn (văn hóa Hòa Bình, văn hóa Đông Sơn...)...

Theo nghĩa rộng, văn hóa thường được xem là bao gồm tất cả những gì do con người sáng tạo ra. Năm 1940, Hồ Chí Minh đã viết: "Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hằng ngày về ăn, mặc, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hóa. Văn hóa là sự tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn"[1][1]. Federico Mayor, Tổng giám đốc UNESCO, cho biết: "Đối với một số người, văn hóa chỉ bao gồm những kiệt tác tuyệt vời trong các lĩnh vực tư duy và sáng tạo; đối với những người khác, văn hóa bao gồm tất cả những gì làm cho dân tộc này khác với dân tộc khác, từ những sản phẩm tinh vi hiện đại nhất cho đến tín ngưỡng, phong tục tập quán, lối sống và lao động. Cách hiểu thứ hai này đã được cộng đồng quốc tế chấp nhận tại Hội nghị liên chính phủ về các chính sách văn hóa họp năm 1970 tại Venice"[2][2].

Chính với cách hiểu rộng này, văn hóa đã trở thành đối tượng của **văn hóa học** (**culturology, culture studies, science of culture**) - khoa học nghiên cứu về văn hóa. Trong lĩnh vực này, khởi đầu từ định nghĩa của E.B.Tylor trong cuốn *Văn hóa nguyên thủy* (Primitive culture) xuất bản ở London năm 1871, đến nay đã có rất nhiều định

nghĩa khác nhau. Vào năm 1952, hai nhà nhân học người Mỹ là A. Kroeber và C. Kluckhohn đã viết một cuốn sách chuyên bàn về các định nghĩa văn hóa nhan đề: *Văn hóa - tổng luận phê phán các quan niệm và định nghĩa* (Culture: a critical review of concepts and definitions), trong đó đã dẫn ra và phân tích 164 định nghĩa về văn hóa. Trong lần xuất bản thứ hai của cuốn sách này, số định nghĩa văn hóa đã tăng lên đến trên 200. Còn hiện nay thì số lượng định nghĩa về văn hóa khó mà biết chính xác được: có người bảo là 400, có người nói là 500, lại có người quả quyết rằng chúng lên đến con số nghìn...

Sẽ không phải là xa sự thật, nếu nói rằng có bao nhiêu nhà nghiên cứu văn hóa thì có bấy nhiêu định nghĩa về văn hóa. Song, lại cũng có một sự thật khác là dù số lượng định nghĩa văn hóa có nhiều bao nhiêu đi nữa thì, chung quy lại, chúng vẫn chỉ xoay quanh một số khuynh hướng cơ bản.

Xét theo cách thức thì ta thấy có hai loại - định nghĩa miêu tả và định nghĩa nêu đặc trưng.

Định nghĩa miêu tả liệt kê các thành tố của văn hóa, ví dụ như theo E.B.Tylor (1871), văn hóa là "một phức thể bao gồm tri thức, tín ngưỡng, nghệ thuật, đạo đức, luật pháp, tập quán, cùng mọi khả năng và thói quen khác mà con người như một thành viên của xã hội đã đạt được".

Trong loại định nghĩa nêu đặc trưng thì có thể gặp ba khuynh hướng lớn:

Khuynh hướng thứ nhất coi văn hóa là những **kết quả** (sản phẩm) nhất định. Đó có thể là những *giá trị*, những *truyền thống*, những *nếp sống*, những *chuẩn mực*, những *tư tưởng*, những *thiết chế xã hội*, những *biểu trưng*, *ký hiệu*, những *thông tin*... mà một cộng đồng đã sáng tạo, kế thừa, và tích lũy.

Khuynh hướng thứ hai xem văn hóa như những **quá trình**. Đó có thể là những *hoạt động sáng tạo*, những *công nghệ*, những *quy trình*, những *phương thức tồn tại, sinh sống và phát triển*, *cách thức thích ứng với môi trường*, *phương thức ứng xử* của con người...

Khuynh hướng thứ ba xem văn hóa như những **quan hệ**, những *cấu trúc*... giữa các giá trị, giữa con người với đồng loại và muôn loài.

Tất cả các khuynh hướng định nghĩa khác nhau ấy đều có hạt nhân hợp lý của mình, sự khác biệt giữa chúng chủ yếu là do các tác giả đã quá nhấn mạnh vào khía cạnh này hay khía cạnh khác của khái niệm mà thôi. Dù theo khuynh hướng nào, mọi định nghĩa văn hóa đều chứa một nét nghĩa chung là "con người", đều thừa nhận và khẳng định mối liên hệ mật thiết giữa văn hóa với con người.

VĂN HÓA VÀ CON NGƯỜI

Văn hóa và con người là hai khái niệm không tách rời nhau. Con người xuất hiện từ lúc nào thì văn hóa xuất hiện từ lúc ấy.

Con người là *chủ thể sáng tạo* ra văn hóa. Trong suốt lịch sử hình thành và phát triển của mình, con người luôn sáng tạo không ngừng để làm nên các giá trị văn hóa. Một trong số những giá trị văn hóa được con người sáng tạo ra ấy chính là bản thân con người - con người có văn hóa. Con người sáng tạo ra văn hóa, đồng thời chính con người cũng là *sản phẩm* của văn hóa.

Với tư cách là sản phẩm của văn hóa, con người là một *vật mang văn hóa* tiêu biểu. Các giá trị văn hóa vật chất có thể mất đi, nhưng nếu con người - vật mang văn hóa còn thì nền văn hóa vẫn tiếp tục tồn tại và phát triển. Trong một ngàn năm Bắc

thuộc và 20 năm quân Minh xâm lược, kẻ thù đã chủ ý tàn phá một cách không thương tiếc các giá trị văn hóa Việt Nam vĩ đại được tạo nên vào các giai đoạn Văn Lang - Âu Lạc và Lý-Trần, hòng xóa khỏi ký ức người Việt Nam mọi dấu vết của một nền văn minh rực rỡ[3][3]. Chùa Diên Hựu vừa độc đáo vừa kỳ vĩ với hồ vuông ở trong và hồ tròn Linh Chiểu ở ngoài dựng năm 1049, với quả chuông đồng nặng vài vạn cân đúc năm 1101 (đúc rồi không treo lên được), qua biết bao lần tàn phá, các đời sau mỗi lần làm lại mỗi thu nhỏ và giản lược bớt đi, đến nay chỉ còn là một mô hình nhỏ bé (mà ta quen gọi là "chùa Một Cột") gây cho du khách biết mấy ngạc nhiên về sự thiếu tương xứng của nó với tầm vóc của văn hóa dân tộc. Mặc dù vậy, như ta đã thấy, nhờ có con người Việt Nam mà đến nay văn hóa Việt Nam vẫn trường tồn cùng năm tháng.

Trong lịch sử nhân loại, những giá trị văn hóa cơ bản đã tạo nên Con Người, đã làm cho loài "homo sapiens" (người thông minh) trở nên khác biệt hẳn so với các đồng loại của mình trong giới tự nhiên là:

a) Biết tạo ra và sử dụng *lửa* và *công cụ lao động* (khỉ chỉ có thể sử dụng những công cụ thô sơ có sẵn như đoạn cành cây để chọc quả).

b) Có *tiếng nói* (ngôn ngữ) để diễn đạt các tư tưởng, tình cảm phong phú của mình (động vật chỉ có thể phát ra những âm thanh đơn giản thể hiện những thông báo riêng lẻ như "nguy hiểm", "có mồi" hoặc nhại lại vài ba từ mà không hiểu nghĩa).

c) Có *khả năng chế ngự bản thân* mình bằng hệ thống kiêng kỵ, luật pháp... (chó, mèo chỉ có thể biết kiềm chế có mức độ nhờ phản xạ có điều kiện, chẳng thể mà tục ngữ Việt Nam có câu: "Chó treo mèo dầy").

d) Biết tạo ra các *nhóm xã hội* (từ những nhóm nhỏ cho đến quốc gia...) mà trong đó con người ý thức được ý nghĩa của nó (động vật chỉ tập hợp thành bầy đàn một cách tự phát theo bản năng).

Trong bốn loại giá trị đó thì ***lao động*** và ***ngôn ngữ*** là hai loại giá trị quan trọng nhất.

Đối với từng cá nhân, vai trò của văn hóa lại càng rõ. Văn hóa là cái môi trường có sẵn mà đứa trẻ sau khi lọt lòng mẹ được "nhúng" vào. Nếu sau khi ra đời, đứa trẻ bị ném vào rừng, bị bứt khỏi cái nôi văn hóa, nó sẽ lớn lên như một con thú. Chỉ có sống trong môi trường văn hóa, nó mới trở thành Người. Tùy thuộc vào chỗ được "nhúng" vào môi trường văn hóa nào, ở đứa bé sẽ hình thành *nhân cách* văn hóa ấy. Một đứa trẻ do một bà mẹ Việt Nam sinh ra và được lớn lên ở Việt Nam, nó sẽ mang trong mình dòng máu văn hóa Việt Nam; nhưng nếu lại được nuôi dưỡng và lớn lên trong một gia đình Mỹ ở Mỹ, nó sẽ trở thành người Mỹ.

Trên phương diện con người, những "sản phẩm" văn hóa tiêu biểu nhất là các danh nhân. Họ luôn xuất hiện ở mọi dân tộc, mọi thời đại. Các danh nhân văn hóa là những đại diện xuất sắc nhất cho nền văn hóa của dân tộc mình, trong thời đại của mình; đồng thời, họ cũng là những người góp phần quan trọng nhất vào việc phát triển, nâng nền văn hóa của dân tộc mình lên một tầm cao mới. Trong lịch sử Việt Nam, Nguyễn Trãi, Hồ Chí Minh... từng là những con người như thế.

Mối quan hệ mật thiết giữa văn hóa với con người, với cuộc sống của con người chỉ ra ***tính nhân sinh*** của nó.

VĂN HÓA VÀ XÃ HỘI

Như đã nói, một trong những giá trị văn hóa cơ bản đã tạo nên Con Người, đã làm cho loài "homo sapiens" trở nên khác biệt hẳn so với các đồng loại của mình trong giới

tự nhiên là khả năng tạo ra các *nhóm xã hội* mà trong đó con người ý thức được ý nghĩa của nó. Trong khi động vật chỉ mới biết tập hợp thành bầy đàn một cách tự phát theo bản năng thì con người biết tập hợp lại thành thị tộc, bộ lạc, làng xã, đô thị, dân tộc, quốc gia, khu vực...

Văn hóa tạo nên các nhóm xã hội đó và, đến lượt mình, các nhóm xã hội đó đã tác động mạnh mẽ tới sự bảo tồn và phát triển của văn hóa. Nhóm xã hội (subculture) nào cũng đồng thời góp phần vừa bảo tồn vừa phát triển văn hóa của mình, song tùy theo tính chất của từng loại nhóm xã hội mà vai trò của chúng trong việc bảo tồn và phát triển văn hóa có khác nhau.

Các nhóm xã hội nào có tính đồng nhất cao thì khả năng bảo tồn tốt, còn nhóm xã hội nào có tính đa dạng cao thì khả năng phát triển tốt.

Thị tộc có tính đồng nhất cao hơn bộ lạc (do cùng huyết thống), làng xã có tính đồng nhất cao hơn đô thị, dân tộc có tính đồng nhất cao hơn quốc gia..., chính bởi vậy mà thị tộc, làng xã, dân tộc có khả năng bảo tồn văn hóa tốt hơn; ngược lại, bộ lạc, đô thị, quốc gia có khả năng phát triển văn hóa nhanh hơn. Trong nội bộ cộng đồng thì tính đồng nhất cao hơn, còn trong quan hệ với các cộng đồng khác thì tính đa dạng cao hơn, bởi vậy mà tổ chức cộng đồng có chức năng bảo tồn văn hóa tốt hơn, còn việc giao lưu với các dân tộc khác, các nền văn hóa khác có khả năng nhanh chóng làm giàu thêm nền văn hóa của mình.

Trên thế giới, đâu đâu con người cũng tiến đến những tổ chức xã hội tương đồng, nhưng mỗi cộng đồng dân tộc lại có những nét đặc thù riêng trong cách tổ chức của mình. Các cộng đồng làm nông nghiệp khép kín hơn, có tính đồng nhất cao hơn nên các nền văn hóa nông nghiệp bền vững hơn, cũng có nghĩa là trì trệ hơn; còn các cộng đồng sống bằng chăn nuôi, buôn bán, sản xuất công nghiệp... thì quan hệ giao lưu rộng hơn, do vậy dễ thay đổi hơn, phát triển nhanh hơn, dễ đồng hóa kẻ khác và cũng dễ bị kẻ khác đồng hóa.

Liên quan đến mối quan hệ giữa văn hóa và xã hội còn là hàng loạt vấn đề thu hút sự quan tâm của dư luận như tính cách dân tộc, vai trò của nhà nước đối với văn hóa, văn hóa đại chúng (culture populaire, culture de masse) và văn hóa thượng lưu (grande culture, culture de élite)...

VĂN HÓA VÀ TỰ NHIÊN

Quan hệ văn hóa với con người và xã hội là một phần của quan hệ bộ ba "con người - văn hóa - tự nhiên". Trong quan hệ giữa văn hóa và tự nhiên, tự nhiên là cái có trước, **tự nhiên quy định văn hóa**. Văn hóa thường được định nghĩa như một "tự nhiên thứ hai".

Không có tự nhiên sẽ chẳng có văn hóa. Điều này đúng vì hai lẽ.

Thứ nhất, tự nhiên tạo nên con người; con người, đến lượt mình, lao động không ngừng để tạo nên văn hóa; như vậy, văn hóa là sản phẩm trực tiếp của con người và sản phẩm gián tiếp của tự nhiên. Văn hóa là cái tự nhiên được biến đổi bởi con người.

Thứ hai, trong quá trình sáng tạo văn hóa, con người vẫn phải sử dụng các tài nguyên phong phú của tự nhiên và năng lực tự nhiên tiềm tàng của chính mình. Các giá trị văn hóa không thể tồn tại được nếu không có tự nhiên làm môi trường và chất liệu cho nó: mọi sản phẩm vật chất đều chế tạo từ các vật liệu tự nhiên hoặc có nguồn gốc từ tự nhiên, và mọi sản phẩm tinh thần đều không thể tồn tại ngoài bộ não là cái vật chất tự nhiên sinh ra chúng.

Ranh giới giữa văn hóa và tự nhiên không phải lúc nào cũng rõ ràng, dễ thấy. Ngay cái cây trồng ngoài vườn, con vật nuôi trong nhà... thoát nhìn cứ tưởng là những đối tượng tự nhiên thuần túy, ấy thế nhưng chúng thuộc về văn hóa đấy: chúng là những động thực vật đã được con người thuần dưỡng, nuôi nấng, chăm sóc. Con người luôn quan tâm đến chúng và, ngược lại, chúng không thờ ơ với con người: "người buồn, cảnh có vui đâu bao giờ" (Nguyễn Du). Một ngọn núi, một dòng sông, một tảng đá - tự nhiên thuần túy đấy, nhưng một khi được con người biết đến, đặt tên cho: núi này là "Hàm Rồng", vịnh này là "Hạ Long", đá kia là "hòn Vọng Phu"... - tất cả bỗng có linh hồn, bỗng trở thành sống động, thân thương, tất cả đã trở thành văn hóa!

Nói như vậy không có nghĩa là ranh giới giữa văn hóa và tự nhiên đã bị xóa nhòa. Tùy theo mức độ tỷ lệ "chất văn hóa" / "chất tự nhiên" trong mỗi đối tượng mà ta có thể nói rằng đối tượng này thuộc về tự nhiên, còn đối tượng kia thuộc về văn hóa: Vịnh Hạ Long tuy có được con người đặt cho một cái tên, gán cho một truyền thuyết, nhưng nếu không có cái chất văn hóa đó thì tự thân thiên nhiên nơi đây cũng đã là một cảnh đẹp phi thường và là một khu vực địa chất có giá trị rồi - do vậy vịnh Hạ Long là một di sản tự nhiên. Kinh thành Huế thì khác: tuy được xây dựng từ các vật liệu tự nhiên, trong một khung cảnh tự nhiên, nhưng nếu không có sự sáng tạo của những kiến trúc sư và những người thợ tài ba thì đất đá đó chỉ là những vật liệu tự nhiên thông thường, khung cảnh đó chỉ là một vùng đồi núi thông thường - vậy thì kinh thành Huế thuộc về văn hóa.

Văn hóa và tự nhiên khác nhau nhưng chúng không đối lập với nhau mà tồn tại trong mối liên hệ mật thiết với nhau thông qua con người và hoạt động của con người. Không có tự nhiên sẽ chẳng có văn hóa, nhưng mặt khác, nếu thiếu văn hóa thì ta không thể có được những hình ảnh của tự nhiên đa dạng và phong phú như ta vẫn có. Trước khi có nhận thức khoa học và bên cạnh nhận thức khoa học, tự nhiên luôn được con người tiếp nhận thông qua lăng kính văn hóa, được chuyển đổi thành dạng văn hóa: "ngôi sao" trên bầu trời được người Việt nhận thức không phải như một hành tinh, mà là như một vật thể nhiều cánh phát sáng; "con dơi" được người Nga nhận thức như một con chuột biết bay (ёадоо÷аѝ іùөü); quả dưa hấu đối với người Nam Bộ là thứ trái cây ruột đỏ, tượng trưng cho sự may mắn (nên được thờ vào dịp tết), còn đối với người Anh thì đó là thứ dưa nhiều nước (water-melon)... Tự nhiên tồn tại trong nhận thức của con người dưới dạng những biểu trưng (biểu trưng - khái niệm, biểu trưng - từ ngữ...) do văn hóa tạo ra. **Tính biểu trưng** là một đặc điểm quan trọng của văn hóa.

VĂN HÓA VÀ HOẠT ĐỘNG

Không chỉ có con người và tự nhiên được biến đổi bởi con người thuộc về văn hóa, mà bản thân hoạt động, phương thức hoạt động, công nghệ hoạt động của con người để tạo ra các sản phẩm ấy cũng thuộc về văn hóa. Hoạt động là mắt xích nằm giữa con người với tự nhiên và xã hội: hoạt động tạo ra văn hóa, và bản thân hoạt động cũng là văn hóa.

Song không phải mọi loại hoạt động đều có tính chất này.

Ở các loài sinh vật cư trú trên trái đất có hai loại hoạt động: hoạt động sinh học - bản năng và hoạt động xã hội - sáng tạo.

Hoạt động sinh học - bản năng là loại hoạt động đặc thù cho động vật, nó tuân theo những khuôn mẫu mà động vật có được một cách bẩm sinh nhờ di truyền, thông thường phù hợp một cách chặt chẽ với điều kiện tự nhiên xung quanh tại một địa bàn

nhất định. Song, không nên vì thế mà nghĩ rằng hoạt động sinh học - bản năng là loại hoạt động giản đơn. Trải qua hàng triệu năm chọn lọc tự nhiên trên cơ sở sự tương tác với nhau và với môi trường, cơ chế hoạt động của động vật đã trở nên rất tinh tế và phức tạp.

Chẳng hạn, ta đều biết rằng loài dơi hoạt động trong đêm tối, chúng nhận biết được con mồi nhờ các sóng siêu âm; gần đây người ta đã phát hiện ra rằng ở một số loài côn trùng (một loại bướm) đã hình thành một cơ chế phức tạp nhiều tầng bậc cho phép không chỉ nhận biết được sự va chạm của sóng siêu âm mà còn gây nhiễu khiến cho dơi lâm thời bị mất khả năng định hướng trong không gian. Thế nhưng cái năng lực "chống siêu âm" ấy của loài bướm không phải trong chốc lát mà có được - đó là kết quả của những quá trình thích nghi và biến đổi lâu dài hàng chục vạn năm, hàng triệu năm.

Nhiều loài sinh vật có thể làm một số việc giống như con người và tạo ra những sản phẩm giống như văn hóa: hoa nắp ấu bắt mồi bằng cách đập nắp xuống tạo thành cái bẫy không thua kém cái bẫy tinh vi của con người; cây xấu hổ biết cúp lá lại mỗi khi đụng chạm; loài ong biết xây dựng những cái tổ với độ chính xác và tinh tế không thua kém những kiến trúc sư tài giỏi; loài kiến biết hợp tác với nhau để nâng và di chuyển những con mồi nặng hơn bản thân chúng nhiều lần; con nhện biết dệt nên cái lưới (mạng nhện) để bắt mồi; con vẹt biết nói; con khỉ biết bắt chước... Thế nhưng, hoa nắp ấu chỉ biết đập nắp xuống chứ không biết cúp lá lại, và chỉ biết bắt mồi bằng đúng một cách ấy; con nhện chỉ biết dệt lưới chứ không biết xây tổ, và chỉ biết dệt lưới theo đúng một mẫu mà thôi... Nói khác đi, sinh vật chỉ có thể thực hiện những hoạt động đã được lập trình sẵn trong bản năng di truyền của chúng.

Ngược lại, con người là một loài động vật cao cấp hoàn hảo, nó không bị giới hạn bởi không gian cư trú mà có thể tồn tại ở bất cứ nơi nào trên trái đất; trong một thời gian ngắn, nó có thể học hỏi và tiếp thu bất cứ loại hoạt động phức tạp nào. Bên cạnh những chương trình được lập sẵn có trong bản năng, con người còn vừa có thể tự lập trình, vừa có thể hành động một cách linh hoạt và sáng tạo không theo bất kỳ một chương trình nào. Con người có thể hoạt động một cách tự do *vượt qua khỏi cái giới hạn bản năng do tự nhiên quy định*. Những hoạt động sáng tạo này chỉ có thể củng cố và phát triển trong môi trường xã hội, trong sự giao tiếp thường xuyên với đồng loại. Đó là **hoạt động xã hội - sáng tạo**. Chỉ có loại hoạt động này của con người mới có khả năng tạo ra văn hóa và là văn hóa.

Đến lượt mình, trong số các hoạt động xã hội - sáng tạo của con người, chỉ có những hoạt động mang tính *nhân bản*, vì lợi ích của con người, mới tạo ra văn hóa và là văn hóa[4][4]. Những hoạt động như trộm cướp, tham nhũng..., hoạt động của những người như Hitler... không những không tạo ra văn hóa và không phải là văn hóa, mà còn làm cho văn hóa tổn hại nặng nề - đó là những hoạt động phản văn hóa, kéo lùi bánh xe lịch sử của nhân loại.

VĂN HÓA VÀ GIÁ TRỊ

Đến đây, khái niệm "văn hóa" kéo theo khái niệm "*giá trị, tính giá trị*". Không phải mọi cái do con người sáng tạo ra đều là văn hóa, mà chỉ có những gì có giá trị mới thuộc về văn hóa. Trong từ "văn hóa" thì, trong truyền thống phương Đông, "văn" là khái niệm đối lập với "vô", "văn" có nghĩa là "về đẹp", là giá trị; văn hóa có nghĩa là "trở thành đẹp, thành có giá trị". Văn hóa chỉ chứa cái đẹp, chứa các giá trị. Nó là thước đo mức độ **nhân bản** của xã hội và con người.

Quan niệm coi văn hóa là giá trị đôi khi chỉ được xem như một trong những khuynh hướng định nghĩa về văn hóa; nói đến giá trị văn hóa, người ta thường nghĩ ngay đến những sản phẩm (vật chất hoặc tinh thần).

Thực ra, "giá trị" là một khái niệm có ngoại diên khá rộng. Giá trị là kết quả thẩm định dương tính đối tượng trên các thang độ "lợi-hại" (giá trị sử dụng), "tốt-xấu" (giá trị đạo đức), "đẹp-xấu" (giá trị thẩm mỹ). Giá trị sử dụng có thể cụ thể hóa bằng các thang độ như giàu-nghèo (phú), sang-hèn (quý), sống lâu - chết sớm (thọ), khôn-dại (trí)... Giá trị đạo đức có thể cụ thể hóa bằng các phạm trù như trung, hiếu, thảo, hiền, nhân, lễ, nghĩa... Giá trị thẩm mỹ có thể cụ thể hóa bằng các thang độ như đẹp-xấu, hay-dở, thích-chê... Như thế, không chỉ các đồ vật, sách vở, tác phẩm nghệ thuật mới là giá trị, mà cả *truyền thống, nếp sống, chuẩn mực, tư tưởng, thiết chế xã hội, biểu trưng, thông tin*... đều là giá trị. Không chỉ các sản phẩm vật chất / tinh thần mới là giá trị, mà cả các *hoạt động, công nghệ, quy trình, phương thức, quan hệ*... đều có thể xác định như các giá trị.

Lại có ý kiến cho rằng coi văn hóa là giá trị là đã thu hẹp giới hạn của nó, loại ra ngoài phạm vi xem xét các hiện tượng như tội ác, bất công, nô lệ, maphia, v.v., cho nên, đối lập với cách tiếp cận giá trị học, người ta nêu ra cách tiếp cận nhân loại học. Nhưng nói như vậy thực ra là chưa hiểu hết cái tinh tế của khái niệm "giá trị".

"Giá trị" là khái niệm có độ bao quát rất lớn bởi nó mang tính tương đối. Chủ nghĩa Mác coi giá trị là hiện tượng xã hội đặc thù, là một số biểu hiện của các quan hệ xã hội và của mặt tiêu chuẩn đánh giá trong ý thức xã hội. Mặt tiêu chuẩn đánh giá của ý thức xã hội phản ánh tính chất thế giới quan của ý thức đó, nhưng không vạch ra một cách đầy đủ thế giới quan ấy. Nói cách khác, không nên quy thế giới quan vào một quan điểm giá trị nào.

Giá trị phụ thuộc vào không gian: cùng một đối tượng - chẳng hạn như nước mắm - có giá trị ở Việt Nam nhưng không có giá trị ở phương Tây. Nó phụ thuộc vào thời gian: cùng một hiện tượng - chẳng hạn như chế độ phong kiến - có giá trị vào thời xưa nhưng không có giá trị vào thời nay. Nó còn phụ thuộc vào chủ thể định giá: cùng một việc - chẳng hạn như sự kiện NATO đưa quân vào Nam Tư - được một số người này (những người gây ra) coi là hành động "bảo vệ nhân quyền", nhưng đối với nhiều người khác thì đó lại là sự can thiệp thô bạo vào công việc nội bộ của một quốc gia có chủ quyền.

Tuy nhiên, nói vậy không có nghĩa là "ba phải". Tính tương đối của khái niệm "giá trị" đòi hỏi ta khi xem xét một sự vật, hiện tượng, hoạt động... phải luôn luôn đặt nó vào bối cảnh "không gian - thời gian - chủ thể" cụ thể. Không thể đánh giá, chẳng hạn, một phong tục hoặc tập quán của người Việt Nam bằng con mắt của người nước ngoài, không thể đánh giá một phong tục tập quán của thời xưa đơn thuần bằng con mắt của người thời nay... Tính giá trị cho phép phân biệt văn hóa với hậu quả của nó hoặc những hiện tượng phi văn hóa, phản văn hóa; loại ra những cách hiểu quá rộng, quy về văn hóa mọi hoạt động của con người.

Tính tương đối của khái niệm "giá trị" còn cho phép ta phân biệt các giá trị theo thời gian thành giá trị vĩnh cửu và giá trị nhất thời. Trong các giá trị nhất thời lại có thể phân biệt giá trị đã lỗi thời, giá trị hiện hành và giá trị đang hình thành. Sự phân biệt các loại giá trị theo thời gian cho phép ta có được cái nhìn biện chứng và khách quan trong việc đánh giá tính giá trị của sự vật, hiện tượng; tránh được những xu hướng cực đoan - phủ nhận sạch trơn hoặc tán dương hết lời.

Nhờ vậy mà, về mặt đồng đại, cùng một hiện tượng có thể có giá trị nhiều hay ít tùy theo góc nhìn, theo bình diện được xem xét. Chẳng hạn, ô-tô, máy bay, công trình thủy điện... trong khi đem lại lợi ích rõ rệt cho con người thì đồng thời cũng làm ô nhiễm môi trường, mất cân bằng sinh thái... (có phần phi giá trị!). Ngược lại, ngay cả việc chửi nhau hoặc chiến tranh cũng thuộc số những biện pháp giải quyết xung đột, tuy rằng với những mức xấu khác nhau (có phần giá trị!). Muốn kết luận một hiện tượng, sự vật có thuộc phạm trù văn hóa hay không phải xem xét mối tương quan giữa mức độ "giá trị" và "phi giá trị" trong chúng.

Về mặt lịch đại, cùng một hiện tượng vào những thời điểm lịch sử khác nhau sẽ có thể có hay không có giá trị tùy thuộc vào chuẩn mực văn hóa của từng giai đoạn. Chẳng hạn, chế độ chiếm hữu nô lệ với tính dã man của nó quen được xem là phi giá trị. Song, chính F. Engels trong "Chống Duyrinh" đã từng nói rằng "nếu không có chế độ nô lệ cổ đại thì không thể có chủ nghĩa xã hội hiện đại", bởi lẽ nhờ nó tạo ra sự phân công lao động trên một quy mô rộng lớn mà nền văn minh Hi Lạp được hình thành. Mà - như F. Engels giải thích - "nếu không có cơ sở văn minh Hi Lạp và đế quốc La Mã thì không thể có châu Âu hiện đại được". Áp dụng vào Việt Nam, việc đánh giá chế độ phong kiến, vai trò của Nho giáo, triều đại nhà Hồ, nhà Nguyễn... đều đòi hỏi một tư duy biện chứng như thế. Bởi vậy, không thể áp đặt một quan niệm về phẩm chất của giá trị cho mọi không gian, mọi thời gian.

VĂN HÓA VẬT CHẤT VÀ VĂN HÓA TINH THẦN

Con người có hai loại nhu cầu cơ bản là nhu cầu vật chất và nhu cầu tinh thần, do vậy, con người cũng có hai loại hoạt động cơ bản là sản xuất vật chất và sản xuất tinh thần. Từ đó, văn hóa như một hệ thống thường được chia làm hai dạng: văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần.

Văn hóa vật chất bao gồm toàn bộ những sản phẩm do hoạt động sản xuất vật chất của con người tạo ra: đồ ăn, đồ mặc, nhà cửa, đồ dùng sinh hoạt hàng ngày, công cụ sản xuất, phương tiện đi lại...

Văn hóa tinh thần bao gồm toàn bộ những sản phẩm do hoạt động sản xuất tinh thần của con người tạo ra: tư tưởng, tín ngưỡng - tôn giáo, nghệ thuật, lễ hội, phong tục, đạo đức, ngôn ngữ, văn chương...

Sự phân chia này mới nhìn tưởng như khá rõ ràng và hiển nhiên, song nhìn kỹ sẽ thấy xuất hiện hàng loạt trường hợp phức tạp. Ví dụ: các dạng hoạt động, các quan hệ sản xuất... xếp vào dạng văn hóa vật chất hay tinh thần? Không ít các vật dụng sinh hoạt hàng ngày (= vật chất) lại có giá trị nghệ thuật rất cao (= tinh thần), ví dụ như cái muôi múc canh thời Đông Sơn có gắn tượng người ngồi thổi khèn, chiếc ngai vàng được chạm trổ công phu; ngược lại, các sản phẩm tinh thần thường tồn tại dưới dạng đã được vật chất hóa, ví dụ như pho tượng, quyền sách.

Trong thực tế, văn hóa vật chất và tinh thần luôn gắn bó mật thiết với nhau và có thể chuyển hóa cho nhau: không phải ngẫu nhiên mà K.Marx nói rằng "Tư tưởng sẽ trở thành những lực lượng vật chất khi nó được quần chúng hiểu rõ". Bởi vậy mà tùy theo những mục đích khác nhau, việc phân biệt văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần sẽ phải dựa vào những tiêu chí khác nhau.

Với mục đích thực tế là phân loại các đối tượng văn hóa thì việc phân biệt văn hóa vật chất và tinh thần chỉ có thể thực hiện một cách tương đối căn cứ vào "mức độ" vật chất / tinh thần của đối tượng văn hóa. Trong trường hợp này, có thể dùng khái niệm

"mục đích sử dụng" làm tiêu chí bổ trợ: những sản phẩm làm ra trước hết để phục vụ cho các nhu cầu vật chất thì, dù có giá trị nghệ thuật cao đến mấy (như cái muôi thời Đông Sơn có gắn tượng người ngồi thổi khèn dùng để múc canh, chiếc ngai vàng được chạm trổ công phu dùng cho vua ngồi thiết triều) vẫn thuộc dạng văn hóa vật chất; còn những sản phẩm làm ra trước hết để phục vụ cho các nhu cầu tinh thần thì, dù được vật chất hóa (như pho tượng, quyển sách mua về để trưng, để đọc), chúng vẫn thuộc dạng văn hóa tinh thần.

Còn với mục đích phân loại các giá trị, làm rõ bản chất của chúng, đưa ra một bức tranh khoa học về văn hóa vật chất và tinh thần thì có thể dựa hẳn vào chất liệu để phân biệt: theo đó, văn hóa vật chất liên quan đến sự biến đổi mang tính sáng tạo thiên nhiên quanh mình thành những sản phẩm có dạng chất liệu vật thể; còn văn hóa tinh thần thì chỉ liên quan đến sự biến đổi thế giới bên trong, thế giới tâm hồn của con người, sản phẩm của nó là tư tưởng thuần túy, "phi vật thể". Với cách này, cùng một đối tượng có thể vừa có phần giá trị vật chất, vừa có phần giá trị tinh thần của nó.

Riêng về các hoạt động thì, thông thường, người ta xếp hoạt động sản xuất vật chất vào dạng văn hóa vật chất (vì loại hoạt động này phải sử dụng nhiều năng lực cơ bắp, mồ hôi...), còn hoạt động sản xuất tinh thần được xếp vào văn hóa tinh thần (vì loại hoạt động này chủ yếu sử dụng năng lực trí tuệ).

VĂN HÓA VÀ HỆ THỐNG

Nếu mọi giá trị văn hóa đều phải xếp vào loại văn hóa vật chất hay tinh thần thì các loại hoạt động có thể được phân đôi như vừa xét; tuy nhiên, như đã nói, hoạt động là mắt xích nằm giữa con người với tự nhiên và xã hội, cho nên tự thân mình thì, dù là sản xuất vật chất hay tinh thần, mọi hoạt động đều mang tính phi vật thể. Bởi vậy, đứng dưới góc độ chất liệu triết để thì phải nói rằng con người và các sản phẩm vật chất là những giá trị văn hóa vật thể, còn hoạt động và các loại sản phẩm tinh thần thuộc loại giá trị văn hóa phi vật thể.

Các sản phẩm, dù là vật chất hay tinh thần, một khi đã hình thành, đều mang tính ổn định nhất định, còn con người và hoạt động của nó thì có tính biến động cao hơn. Xét theo mức độ tĩnh/động thì ta có cấp hệ các giá trị với độ động tăng dần như sau: sản phẩm vật chất < sản phẩm tinh thần < con người < hoạt động (dấu "<" đọc là "tĩnh hơn").

Như vậy, các giá trị văn hóa có thể chia làm bốn loại: con người, hoạt động, sản phẩm vật chất, sản phẩm tinh thần. Bốn loại giá trị văn hóa đó có thể xem xét theo ba phương diện: tĩnh / động; văn hóa vật chất / văn hóa tinh thần; văn hóa vật thể / văn hóa phi vật thể. Mỗi quan hệ giữa các loại giá trị văn hóa đó có thể trình bày trong bảng 1.

	TĨNH	ĐỘNG		
VĂN HÓA VẬT THỂ	Sản phẩm vật chất (đồ vật, tiện ngghi...)	Con người (chủ thể sáng tạo & vật mang văn hóa)		VĂN HÓA VẬT CHẤT
VĂN HÓA PHI VẬT THỂ	Sản phẩm tinh thần (tư tưởng, khoa học,	Hoạt động	Hoạt động tạo sản phẩm vật chất	

	nghệ thuật...)		Hoạt động tạo sản phẩm tinh thần	VĂN HÓA TINH THẦN
--	----------------	--	----------------------------------	-------------------

Bảng 1: Các loại giá trị văn hóa

Bức tranh vừa nêu cho thấy rõ rằng mọi giá trị văn hóa đều có liên quan mật thiết với nhau, tạo thành một hệ thống chặt chẽ. Văn hóa là một khái niệm mang **tính hệ thống**. Nhược điểm lớn nhất của nhiều định nghĩa văn hóa lâu nay là ở chỗ coi văn hóa như một phép cộng đơn thuần của những tri thức bộ phận. E.B. Taylor (1871) định nghĩa văn hóa như một "*phức hợp* bao gồm tri thức, tín ngưỡng, nghệ thuật, đạo đức, luật pháp, phong tục, cũng như mọi khả năng và thói quen khác...". Định nghĩa văn hóa trong các loại từ điển, các công trình nghiên cứu... thường mở đầu bằng câu: "Văn hóa là một *tập hợp* (hoặc *phức hợp*) của các giá trị...". Quan niệm cảm tính này là sản phẩm của lịch sử, của thời kì chia tách các khoa học - khi mà văn hóa chưa được coi là đối tượng của một khoa học độc lập.

Với tư cách là một khoa học lí luận, *văn hóa học* có nhiệm vụ nghiên cứu văn hóa như một đối tượng riêng biệt trên cơ sở những tư liệu do các ngành khác (dân tộc học, sử học, ngôn ngữ học, tôn giáo học...) cung cấp với mục đích phát hiện các đặc trưng, những quy luật hình thành và phát triển. Nghiên cứu văn hóa dân tộc theo lối này không chỉ là tìm hiểu "Cái gì?", mà chủ yếu là tìm hiểu "Tại sao?" và "Như thế nào?" Nhờ đi vào bề sâu, tìm những mối liên hệ có tính bản chất giữa các sự kiện, văn hóa học sẽ cho phép ta, chẳng hạn, nếu biết được một dân tộc sống ở đâu, ăn như thế nào, có thể nói được rằng dân tộc đó mặc và ở ra sao, suy nghĩ và ứng xử như thế nào... Từ đó, người đọc có thể suy ngẫm và lí giải các tư liệu văn hóa mà anh ta bắt gặp.

VĂN HÓA VÀ VĂN MINH

Để làm rõ khái niệm "văn hóa", cần phải phân biệt nó với một khái niệm có liên quan mật thiết là "văn minh" (civilization, civilisation). Lâu nay, không ít người vẫn sử dụng "văn minh" như một từ đồng nghĩa với "văn hóa". Thực ra, như viện sĩ D. Likhachov (1990) từng nhận xét, "đây là những khái niệm gần gũi, có liên quan mật thiết với nhau, song không đồng nhất. Văn hóa giàu tính nhân bản, nó hướng tới những giá trị muôn thuở; trong khi đó thì văn minh hướng tới sự hợp lí, sắp đặt cuộc sống sao cho tiện lợi". Nói đến văn minh, người ta chủ yếu nghĩ đến các tiện nghi vật chất. Như vậy, văn hóa và văn minh khác nhau trước hết là ở tính giá trị: trong khi văn hóa là một khái niệm bao trùm, chứa cả các giá trị vật chất lẫn tinh thần, thì văn minh thiên về các giá trị vật chất - kỹ thuật mà thôi.

Tuy nhiên, nếu chỉ xét trên phương diện tính giá trị thì "văn minh" khá gần với một khái niệm đặc thù của truyền thống Việt Nam và phương Đông là "văn vật". Các từ điển tiếng Việt thường định nghĩa *văn vật* là "truyền thống văn hóa biểu hiện ở nhiều nhân tài và nhiều di tích lịch sử", "công trình, hiện vật có giá trị nghệ thuật và lịch sử"; còn *văn hiến* được định nghĩa là "truyền thống văn hóa lâu đời". So sánh các định nghĩa này, ta thấy "văn hiến" và "văn vật" thực ra chỉ là những khái niệm bộ phận của "văn hóa", chúng chỉ khác văn hóa ở độ bao quát các giá trị: Văn hiến là văn hóa thiên về "truyền thống lâu đời", mà truyền thống lâu đời còn lưu giữ được không bị chiến tranh và thời gian hủy hoại chính là các giá trị *tinh thần*; còn văn vật là các nhân tài, di

tích, công trình, hiện vật, tức là văn hóa thiên về các giá trị *vật chất*. Chính vì vậy mà ông cha ta thường nói đất nước 4000 năm văn hiến (chứ không nói "văn vật", vì trải qua 4000 năm, phần lớn các giá trị vật chất đã bị tàn phá), nhưng lại nói Hà Nội - Thăng Long ngàn năm văn vật (vì trong 1000 năm trở lại đây, từ khi Lý Công Uẩn định đô ở Thăng Long, các giá trị vật chất còn lưu giữ được nhiều).

Văn vật và văn minh tuy cùng thiên về giá trị vật chất, nhưng lại rất khác xa nhau. Sự khác biệt giữa một bên là văn hóa và văn vật với bên kia là văn minh chính là ở **tính lịch sử**. Trong khi văn hóa, văn vật luôn luôn có bề dày của *quá khứ* thì văn minh chỉ là một lát cắt đồng đại, nó chỉ cho biết *trình độ phát triển* của văn hóa; từ "văn minh" có thể có nhiều cách định nghĩa trong các từ điển khác nhau, song chúng thường có chung một nét nghĩa là nói đến "trình độ phát triển". Văn minh luôn là đặc trưng của *một thời đại*: nếu như vào thế kỉ 19, chiếc đầu máy hơi nước đã từng là biểu tượng của văn minh thì sang thế kỉ 20, nó trở thành biểu tượng của sự lạc hậu, nhường chỗ cho tên lửa vũ trụ và máy vi tính. Một dân tộc mới hình thành vẫn có thể có trình độ văn minh rất cao trong khi truyền thống văn hóa là rất nghèo nàn; ngược lại, một dân tộc lạc hậu vẫn có thể có một nền văn hóa lâu đời và phong phú.

Sự khác biệt vừa nêu giữa một bên là văn hóa và văn vật với bên kia là văn minh dẫn đến sự khác biệt về phạm vi: Văn hóa mang *tính dân tộc*, bởi lẽ nó có giá trị tinh thần và tính lịch sử, mà cái tinh thần và tính lịch sử là của riêng, không dễ gì mua bán hoặc thay đổi được; còn văn minh thì có *tính quốc tế*, nó đặc trưng cho một khu vực rộng lớn hoặc cả nhân loại, bởi lẽ nó chứa giá trị vật chất, mà cái vật chất thì dễ phổ biến, lây lan.

Và sự khác biệt thứ tư, về nguồn gốc: Văn hóa gắn bó nhiều hơn với *phương Đông nông nghiệp*, còn văn minh gắn bó nhiều hơn với *phương Tây đô thị*. Các nền văn hóa cổ đại như văn hóa Lưỡng Hà (Tây Á), văn hóa sông Nile (Ai Cập), văn hóa sông Ấn (Indus, nay thuộc Pakistan), văn hóa sông Hoàng Hà (Trung Hoa) đều đã hình thành ở phương Đông từ 2-3 ngàn năm trước công nguyên. Trong khi đó thì nền văn hóa phương Tây sớm nhất là văn hóa Hi Lạp - La Mã cũng chỉ mới hình thành từ tk 8 trCN trên cơ sở tiếp thu những thành tựu của các nền văn hóa phương Đông gần nó nhất là Ai Cập và Lưỡng Hà.

Các nền văn hóa phương Đông đều hình thành ở vùng lưu vực các con sông lớn là những nơi sản xuất nông nghiệp. Ở các ngôn ngữ phương Tây, từ "văn hóa" bắt nguồn từ chữ *cultura* tiếng Latinh có nghĩa là "trồng trọt". Từ trồng trọt phát triển ra nghĩa chăm sóc (cây cối), từ chăm sóc (cây cối) dẫn đến nghĩa khái quát là "hoàn thiện". Trong một thời gian dài, *cultura* đi cùng với danh từ nào thì có nghĩa là sự hoàn thiện đối tượng thể hiện bằng danh từ đó (ví dụ: *cultura juris* = hoàn thiện quy tắc ứng xử, *cultura language* = hoàn thiện năng lực ngôn ngữ). Mãi cho đến tk 18, *cultura* mới bắt đầu được dùng độc lập trong các ngôn ngữ châu Âu với nghĩa là chăm sóc, giáo dục con người (= văn hóa). Trong khi đó thì từ "văn minh" trong các ngôn ngữ phương Tây đều bắt nguồn từ chữ *civitas* tiếng Latinh có nghĩa là "thành phố". Nghĩa gốc này kéo theo mình hàng loạt từ và nghĩa phái sinh trong các ngôn ngữ châu Âu: "thị dân", "công dân" (*civilis*)..., từ đó đến *civilisation* là "làm cho trở thành đô thị", đầy đủ tiện nghi như đô thị (= văn minh).

VĂN HÓA	VĂN HIẾN	VĂN VẬT	VĂN MINH
Chứa cả các giá trị	Thiên về giá	Thiên về giá	Thiên về giá trị vật

vật chất lẫn tinh thần	trí tinh thần	trí vật chất	chất - kĩ thuật
Có bề dày lịch sử			Chỉ trình độ phát triển
Có tính dân tộc			Có tính quốc tế
Gắn bó nhiều hơn với phương Đông nông nghiệp			Gắn bó nhiều hơn với phương Tây đô thị

Bảng 2: So sánh các khái niệm văn hóa, văn minh, văn hiến, văn vật

Như vậy, VĂN MINH (văn = vẻ đẹp, minh = sáng) là khái niệm có nguồn gốc từ phương Tây đô thị chỉ ra trình độ phát triển của con người về phương diện vật chất - kĩ thuật và mang tính quốc tế.

Sự phân biệt các khái niệm văn hóa, văn minh, văn hiến, văn vật vừa trình bày được tóm tắt trong bảng 2.

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VĂN HÓA VÀ VĂN MINH

Từ tự nhiên qua con người, tới văn hóa là cả một quá trình lịch sử.

Giống người đầu tiên xuất hiện cách đây 2 triệu năm (sơ kỳ thời đồ đá cũ) ở Tanzania (Đông Phi), do loài vượn cổ phương Nam (*Australopithecus*, có mặt ở Hadar, Đông Phi từ 1 triệu năm trước đó) tiến hóa thành. Những con người đầu tiên này đã đi bằng hai chân, biết chế tạo các công cụ lao động bằng đá, lập nên nền văn hóa đá cuội (pebble culture) nổi tiếng, bởi vậy mà họ được các nhà khoa học đặt tên là **homo habilis** (người khéo léo).

Phải đợi thêm 1 triệu năm tiếp theo, con người mới biết chế tạo nên những dụng cụ tinh xảo hơn như rìu cầm tay, cuốc, rựa..., phát hiện ra lửa, sống trong hang, biết sử dụng các tín hiệu và âm thanh đơn giản, bước đầu săn mồi tập thể và đã đứng thẳng hoàn toàn. Họ được khoa học đặt tên là **homo erectus** (người đứng thẳng). Họ có mặt ở cả Đông Nam Á (Vân Nam, Java) lẫn châu Âu, hình thành nên hai trung tâm nhân chủng lớn là Phi-Âu và Á-Úc.

Đến đây, con người đã sáng tạo nên những giá trị **vật chất** cơ bản.

Cách đây 10 vạn năm (trung kỳ thời đồ đá cũ), con người đã thực sự trở thành **khôn ngoan** (*homo sapiens*) khi họ đã sống thành xã hội, biết dựng lều ở, tập thể cao đã dẫn đến sự hình thành ngôn ngữ với lời nói chia thành âm tiết, đã có những nghi thức mai táng với quan niệm về thế giới "bên kia" (tín ngưỡng).

Cách đây 4 vạn năm (hậu kỳ thời đồ đá cũ), cư dân chủng Australoid từ Đông Nam Á đã di cư tới Úc. Con người thời này đã tạo nên các bức vẽ hang động, các pho tượng đất sét... và được khoa học gọi là **người khôn ngoan hiện đại** (*homo sapiens sapiens*).

Đến đây, không chỉ tôn giáo tín ngưỡng, mà cả nghệ thuật cũng đã hình thành, và cùng với nghệ thuật như những giá trị **tinh thần** bậc cao, **văn hóa** đã hoàn thiện.

Tiếp theo, cách đây trên dưới 1 vạn năm (thời đồ đá giữa), nghề trồng trọt và chăn nuôi đã xuất hiện ở nhiều nơi: cư dân Tây Á đã thuần dưỡng lúa mì, cư dân vùng Đông Nam Á với nền văn hóa Hòa Bình đã có nghề trồng trọt rau củ, cừu được thuần dưỡng ở vùng Irắc, lợn được thuần dưỡng ở vùng Thổ Nhĩ Kỳ. Cư dân chủng Mongoloid đã vượt qua eo biển Bering tới cư trú ở châu Mỹ. Khắp các châu lục đã có người ở.

Cách nay khoảng 8.000 năm (thời đồ đá mới), xuất hiện những thị trấn đầu tiên (Catal Huyuk ở vùng Thổ Nhĩ Kỳ và Jerico ở vùng Israel). Cách nay khoảng trên 5.000 năm, tức là trên 3.000 năm trCN, chữ viết hình nêm và bánh xe xuất hiện ở Sumer, chữ

tượng hình xuất hiện ở Ai Cập. Vào khoảng 3-2.000 năm trCN, hàng loạt nền **văn minh cổ** đã ra đời ở lưu vực các con sông: văn minh Lưỡng Hà ở lưu vực sông Tiger và Euphrat, văn minh Ai Cập ở lưu vực sông Nile, văn minh Ấn Độ ở lưu vực sông Indus, văn minh Trung Hoa ở lưu vực sông Hoàng Hà. Cũng trong khoảng này - 3.500 năm trCN, cây ngô được trồng ở Mêhicô; 2.000 năm trCN, cây lúa được trồng ở Đông Nam Á.

Quá trình hình thành văn hóa và văn minh được trình bày trong bảng 3.

THỜI GIAN		KHÔNG GIAN	SỰ KIỆN	MỐC VĂN HÓA, VĂN MINH			
2 triệu năm trước	Sơ kỳ thời đồ đá cũ	Châu Phi	Người khéo léo (<i>homo habilis</i>): Đi bằng 2 chân, biết chế tạo công cụ lao động bằng đá cuội.	Biết chế tạo công cụ	Giá trị vật chất	Hình thành VĂN HÓA	
1 triệu năm trước		Châu Phi, châu Á, châu Âu	Người đứng thẳng (<i>homo erectus</i>): Đứng thẳng, chế tạo dụng cụ tinh xảo, phát hiện ra lửa, sử dụng các tín hiệu âm thanh đơn giản, bước đầu săn mồi tập thể.	Biết dùng lửa			
10 vạn năm trước		Trung kỳ thời đồ đá cũ		Người khôn ngoan (<i>homo sapiens</i>): Sống thành tập thể, biết dựng lều ở, hình thành ngôn ngữ với lời nói chia thành âm tiết, biết chôn người chết có đồ tùy táng kèm theo.	Hình thành xã hội. Xuất hiện ngôn ngữ, tín ngưỡng		Giá trị tinh thần
4 vạn năm trước		Hậu kỳ thời đồ đá cũ		Người khôn ngoan hiện đại (<i>homo sapiens sapiens</i>): tạo nên các bức vẽ hang động, các pho tượng đất sét.	Xuất hiện nghệ thuật		
1 vạn năm trước	Đồ đá giữa	Châu Phi, châu Á, châu Âu, châu Úc, châu Mỹ	Xuất hiện nghề trồng trọt lúa mì ở Tây Á, rau củ ở Đông Nam Á; nghề chăn nuôi cừu ở Irắc, lợn ở Thổ Nhĩ Kỳ...	Xuất hiện trồng trọt và chăn nuôi	Hoàn thiện VĂN MINH		
8.000 năm trước	Đồ đá mới		Xuất hiện những thị trấn đầu tiên ở vùng Thổ Nhĩ Kỳ, Israel.	Xuất hiện đô thị			
5.000 năm trước			Chữ viết hình nêm xuất hiện ở Sumer, chữ tượng hình xuất hiện ở Ai Cập.	Xuất hiện văn tự			
Từ 3 - 2.000 năm trCN	Đồ đồng		Xuất hiện các nền văn minh Lưỡng Hà, sông Nile (3.000 năm trCN), sông Ấn (2.500 năm trCN), sông Hoàng Hà (2.000 năm trCN).	Xuất hiện các nền văn minh cổ			

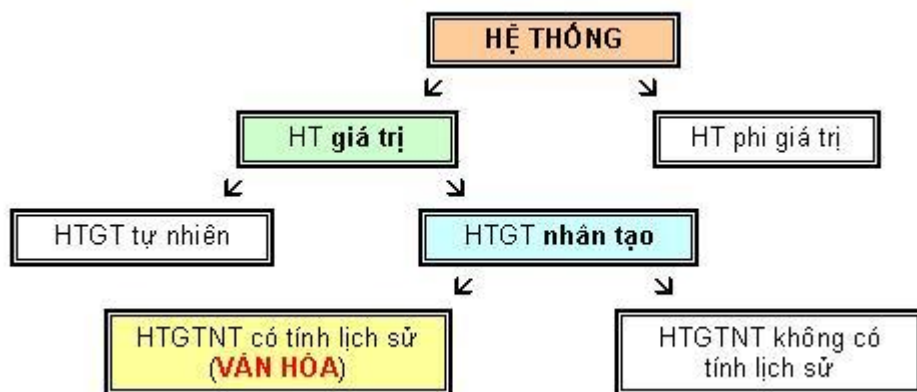
Bảng 3: Quá trình hình thành văn hóa và văn minh

ĐỊNH NGHĨA VĂN HÓA. CÁC ĐẶC TRƯNG VÀ CHỨC NĂNG CỦA VĂN HÓA

Mặc dù văn hóa là một khái niệm có nội hàm hết sức phong phú và phức tạp, với nhiều đặc trưng (do vậy mà có nhiều cách hiểu, cách định nghĩa khác nhau), ta vẫn có thể thấy ở văn hóa nổi lên bốn đặc trưng cơ bản nhất là tính **nhân sinh**, tính **giá trị**, tính **hệ thống** và tính **lịch sử** - đây là những đặc trưng cần và đủ cho phép phân biệt văn hóa với những khái niệm có liên quan.

Trên cơ sở bốn đặc trưng này, có thể định nghĩa văn hóa như sau: **VĂN HÓA là một hệ thống hữu cơ các giá trị (vật chất và tinh thần, tĩnh và động, vật thể và phi**

vật thể...) do con người sáng tạo ra và tích lũy qua quá trình hoạt động thực tiễn, trong sự tương tác với môi trường tự nhiên và xã hội của mình. Cách định nghĩa này không những có khả năng bao quát được khá nhiều cách tiếp cận khác nhau, cách hiểu khác nhau về văn hóa, mà còn có thể cho phép ta nhận diện được một hiện tượng văn hóa và phân biệt nó với những hiện tượng khác không phải là văn hóa - từ những hiện tượng phi giá trị, những giá trị tự nhiên thiên tạo, cho đến những giá trị nhân tạo chưa có tính lịch sử... (xem bảng 4).



Bảng 4: Nhận diện khái niệm văn hóa

Văn hóa có những chức năng nhiệm vụ gì?

Trước hết, văn hóa có **chức năng tổ chức**. Xã hội loài người được tổ chức theo những cách thức đặc biệt thành những làng xã, quốc gia, đô thị, hội đoàn, tổ nhóm, v.v. mà giới động vật chưa hề biết tới - đó là nhờ văn hóa. Làng xã, quốc gia, đô thị... của mỗi dân tộc lại cũng mỗi khác nhau - cái đó cũng do sự chi phối của văn hóa. Chính tính hệ thống của văn hóa là cơ sở cho chức năng này.

Thứ hai, văn hóa có **chức năng điều chỉnh**. Mọi sinh vật đều có khả năng thích nghi với môi trường xung quanh bằng cách tự biến đổi mình sao cho phù hợp với tự nhiên qua cơ chế di truyền và chọn lọc tự nhiên. Con người thì hành xử theo một cách thức hoàn toàn khác hẳn: dùng văn hóa để biến đổi tự nhiên phục vụ cho mình bằng cách tạo ra đồ ăn, quần áo, nhà cửa, vũ khí, máy móc, thuốc men... Tính giá trị là cơ sở cho chức năng điều chỉnh của văn hóa. Nhờ có chức năng điều chỉnh, văn hóa trở thành *mục tiêu và động lực của sự phát triển* trong xã hội loài người.

Thứ ba, văn hóa có **chức năng giao tiếp**. Một trong những đặc điểm khu biệt con người với động vật là ở sự hợp quần thành xã hội, mà xã hội không thể hình thành và tồn tại được nếu thiếu sự giao tiếp. Văn hóa tạo ra những điều kiện và phương tiện (như ngôn ngữ và các hệ thống ký hiệu) cho sự giao tiếp ấy, văn hóa là môi trường giao tiếp của con người. Đến lượt mình, văn hóa cũng là sản phẩm của giao tiếp: các sản phẩm của văn hóa thì còn có thể được tạo ra bằng hoạt động của các cá nhân riêng rẽ chứ bản thân văn hóa thì chỉ có thể là sản phẩm của hoạt động xã hội mà thôi. Tính nhân sinh là cơ sở cho chức năng giao tiếp của văn hóa.

Thứ tư, văn hóa có **chức năng giáo dục**. Văn hóa thực hiện được chức năng giáo dục trước hết là do nó có năng lực *thông tin* hoàn hảo. Ở động vật, thông tin được mã hóa trong cấu trúc tế bào và thần kinh và truyền đạt bằng con đường di truyền; ngoài

ra, ở động vật cao cấp, thông tin còn được truyền đạt bằng cách quan sát và bắt chước hành vi của cha mẹ, công việc này mỗi thế hệ mới lại bắt đầu lại từ đầu. Trong cả hai trường hợp, từ thế hệ này sang thế hệ khác, lượng thông tin không tăng lên. Con người thì không thế. Nhờ văn hóa, thông tin được mã hóa bằng những hệ thống ký hiệu tạo thành những sản phẩm nằm ngoài cá nhân con người, do vậy mà nó được khách quan hóa, được tích lũy, được nhân bản và tăng lên nhanh chóng từ thế hệ này sang thế hệ khác. Sự tích lũy và chuyển giao những giá trị tương đối ổn định (những kinh nghiệm tập thể) thể hiện dưới những khuôn mẫu xã hội trong cộng đồng người qua không gian và thời gian và được cố định hóa dưới dạng ngôn ngữ, phong tục, tập quán, nghi lễ, luật pháp, dư luận... từ thế hệ này sang thế hệ khác tạo nên *truyền thống văn hóa* trên cơ sở tính lịch sử của nó chính là chức năng giáo dục của văn hóa. Nhưng văn hóa thực hiện chức năng giáo dục không chỉ bằng những giá trị đã ổn định (truyền thống), mà còn bằng cả những giá trị đang hình thành. Các giá trị đã ổn định và những giá trị đang hình thành tạo thành một hệ thống chuẩn mực mà con người hướng tới. Nhờ nó mà văn hóa đóng vai trò quyết định trong việc hình thành nhân cách ở con người, trồng người (dưỡng dục nhân cách), tạo nên *nền tảng tinh thần của xã hội*. Văn hóa đưa con người gia nhập vào cộng đồng xã hội; bởi vậy mà có người gọi chức năng này của văn hóa là *chức năng xã hội hóa*[5][5].

Như một thuộc tính quan trọng bậc nhất, văn hóa chi phối toàn bộ quá trình hình thành và phát triển của con người nói riêng và nhân loại nói chung. Văn hóa tổ chức và điều chỉnh xã hội, giúp con người giao tiếp và thông tin, văn hóa giáo dục và đưa con người gia nhập vào cộng đồng xã hội. Văn hóa vừa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu và động lực phát triển của xã hội xuyên suốt thời gian và không gian. Văn hóa là chất men gắn kết con người lại với nhau.